

Vietnam Daily Review

VN-Index giằng co quanh vùng 1,060

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/10/2022	•		
Tuần 17/10-21/10/2022	•		
Tháng 10/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giằng co quanh vùng 1,060 suốt cả ngày hôm nay, kết phiên tăng gần 11 điểm, đánh dấu phiên thứ 3 tăng điểm liên tiếp. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành kết phiên trong sắc xanh, trong đó đà tăng mạnh nhất thuộc về nhóm ngành Bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX trong phiên. Hôm nay chỉ số VN-Index đã hình hành cây nến Doji cho thấy sự giằng co cân bằng giữa bên mua và bên bán ở vùng giá 1,060. Trong những phiên tới, nếu VN-Index thành công lấp gap 1,060-1,070 thì đà hồi phục sẽ vững vàng hơn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều tăng theo VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn trong phiên theo chiều bán.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/10/2022, các chứng quyền tăng theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+10.86** điểm, đóng cửa **1061.85** điểm. HNX-Index **+3.15** điểm, đóng cửa **227.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.93)**, **GAS (+0.88)**, **MWG (+0.86)**, **ACB (+0.77)**, **BID (+0.71)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1)**, **VIC (-0.68)**, **EIB (-0.28)**, **SAB (-0.26)**, **VRE (-0.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,673** tỷ đồng, tăng **31.19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **14,484** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **17.13** điểm. Thị trường có **336** mã tăng, **81** mã tham chiếu, **102** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **213.86** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FRT (58.06 tỷ)**, **SSI (40.11 tỷ)**, **VNM (38.21 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **48.09** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1061.85**
Giá trị: 9673.02 tỷ **10.86 (1.03%)**
Khối ngoại (ròng): 213.86 tỷ

HNX-INDEX **227.89**
Giá trị: 974.68 tỷ **3.15 (1.4%)**
Khối ngoại (ròng): 48.09 tỷ

UPCOM-INDEX **80.16**
Giá trị: 455.4 tỷ **1.19 (1.51%)**
Khối ngoại (ròng): -11.27 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	89.2	0.13%
Giá vàng	1,665	-0.06%
Tỷ giá USD/VND	24,102	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,848	-0.20%
Tỷ giá JPY/VND	16,336	0.00%
LS liên NH 1 tháng	6.2%	0.45%
LS TPCP 5 năm	5.0%	-0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FRT	58.06	GEX	-39.32
SSI	40.11	KBC	-38.86
VNM	38.21	VHM	-28.21
DPM	33.27	VIC	-24.59
0/1/1900	0.00	KDH	-23.48

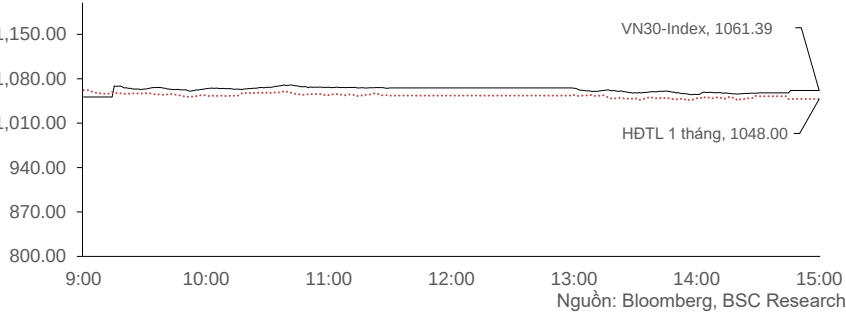
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Khuyến nghị dài hạn	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1048.00	0.81%	-13.39	-40.0%	299,910	10/20/2022	6
VN30F2211	1044.00	1.36%	-17.39	-37.1%	2,605	11/17/2022	34
VN30F2212	1046.40	1.98%	-14.99	-19.7%	269	12/15/2022	62
VN30F2203	1045.00	1.90%	-16.39	-84.5%	88	3/16/2023	153

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 10.15 điểm lên 1061.39 điểm, biên độ dao động 15.48 điểm. Các cổ phiếu như ACB, MWG, MBB, FPT, và TCB đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Xu hướng hồi phục của VN30 tiếp diễn trong phiên hôm nay với 20/30 cổ phiếu tăng điểm. Thanh khoản thấp hơn ngưỡng trung bình gần đây cho thấy tâm lý thị trường vẫn đang thận trọng. Thanh khoản suy yếu trong khi thị trường tăng mạnh cho thấy đà tăng không vững chắc. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn trong phiên theo chiều bán.
- Các HĐ đều tăng theo VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2210 giảm, các HĐ còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2210	3/10/2023	147	16:1	17,300	23.60%	1,100	420	27.27%	232	1.81	102,328	88,888	76,000
CMBB2208	12/26/2022	73	1.6:1	521,000	35.02%	3,000	200	17.65%	276	0.72	23,667	27,000	17,800
CTPB2205	12/12/2022	59	2:1	542,800	39.01%	4,000	80	14.29%	246	0.33	29,000	28,000	20,600
CFPT2206	12/12/2022	59	4.9:1	257,300	33.13%	1,000	530	10.42%	144	3.67	96,528	92,000	74,000
CVRE2209	12/27/2022	74	8:1	68,800	39.16%	1,000	140	7.69%	79	1.78	32,888	30,888	25,200
CFPT2207	12/12/2022	59	5.9:1	224,600	33.13%	3,000	1,680	5.66%	1,103	1.52	89,974	75,000	74,000
CVNM2207	3/28/2023	165	15:1	95,400	28.05%	1,100	1,040	4.00%	517	2.01	84,607	68,668	74,000
CVRE2217	3/2/2023	139	2:1	63,700	39.16%	2,500	1,320	3.13%	1,245	1.06	31,120	27,500	25,200
CVPB2211	3/31/2023	168	2:1	91,600	36.76%	2,450	430	2.38%	7	66.01	37,180	35,000	16,150
CSTB2210	11/7/2022	24	2:1	492,700	44.51%	2,000	20	0.00%	0	70.71	28,640	28,500	17,650
CHPG2215	3/28/2023	165	10:1	796,400	37.33%	1,000	300	0.00%	184	1.63	27,799	22,999	19,450
CVRE2210	12/7/2022	54	4:1	573,400	39.16%	2,300	290	0.00%	226	1.28	31,440	28,800	25,200
CVPB2207	1/13/2023	91	2:1	71,400	36.76%	1,200	200	0.00%	1	368.18	34,200	33,000	16,150
CMWG2205	11/7/2022	24	4.9:1	167,000	36.30%	2,200	30	0.00%	12	2.52	78,742	155,500	59,900
CMSN2212	3/10/2023	147	20:1	29,700	41.91%	1,100	210	0.00%	379	0.55	132,033	112,233	79,000
CHPG2220	1/3/2023	81	2:1	112,800	37.33%	1,500	310	-3.13%	384	0.81	26,040	24,000	19,450
CVRE2212	1/13/2023	91	2:1	134,800	39.16%	1,000	220	-4.35%	527	0.42	31,080	30,000	25,200
CVNM2206	10/19/2022	5	8.7:1	400	28.05%	1,950	140	-6.67%	0	2,477.12	81,219	80,000	74,000
CHPG2214	1/3/2023	81	7.5:1	125,800	37.33%	1,000	60	-25.00%	15	4.09	30,106	28,744	19,450
CMBB2205	10/31/2022	17	1.6:1	351,500	35.02%	3,000	10	-50.00%	0	3,578.95	26,900	32,000	17,800
Tổng		4,738,400	35.99%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/10/2022, các chứng quyền tăng theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CTCB2208 và CNVL2209 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 300% và 100%. Giá trị giao dịch tăng 0.87%. CHPG2220 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.42%.
- CHPG2223, CTCB2209, CPNJ2205, và CPOW2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2212, CVIC2203, CVRE2213, và CVRE2211 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2216, CFPT2207, CPNJ2202, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	59.9	4.0%	0.8	3,812	7.7	3,436	17.4	3.9	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	105.1	0.6%	0.6	1,124	1.0	5,978	17.6	3.2	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	50.7	2.9%	1.1	1,636	2.4	2,411	21.0	1.7	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	40.5	2.5%	0.8	412	0.0	3,289	12.3	1.2	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	59.7	-1.2%	0.4	9,900	2.0	(60)	#N/A N/A	2.1	12.3%	-0.2%
VRE	Bất động sản	25.2	-1.6%	1.1	2,490	0.7	571	44.2	1.8	32.3%	4.2%
VHM	Bất động sản	51.9	-1.7%	0.7	9,826	3.8	6,478	8.0	1.9	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	16.5	0.9%	1.6	438	5.2	1,223	13.5	1.1	27.4%	8.2%
SSI	Chứng khoán	17.9	2.3%	1.8	1,159	17.3	2,674	6.7	1.3	34.5%	22.0%
VCI	Chứng khoán	27.6	3.0%	1.0	523	9.2	3,497	7.9	1.7	17.5%	24.3%
HCM	Chứng khoán	20.3	3.3%	1.7	403	3.6	2,522	8.0	1.2	40.9%	17.5%
FPT	Công nghệ	74.0	1.4%	0.9	3,530	2.7	4,512	16.4	4.2	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	63.0	0.2%	0.4	899	0.0	4,926	12.8	3.4	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	109.8	1.7%	0.9	9,137	1.8	6,669	16.5	3.5	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	33.7	0.0%	1.5	1,862	1.6	723	46.6	1.8	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	23.3	2.2%	1.5	484	6.7	1,104	21.1	0.9	11.2%	4.4%
BSR	Dầu khí	20.1	2.0%	0.8	2,710	6.3	2,108	9.5	1.7	41.1%	19.1%
DHG	Dược	83.3	-0.8%	0.3	474	0.0	6,361	13.1	2.9	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	47.5	1.9%	1.4	808	6.1	14,563	3.3	1.4	15.9%	51.9%
DCM	Hóa chất	32.3	2.2%	1.3	742	6.4	7,025	4.6	1.7	8.8%	44.7%
VCB	Ngân hàng	68.1	2.4%	0.8	14,012	4.7	5,273	12.9	2.6	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	33.0	1.7%	1.2	7,258	2.5	2,562	12.9	1.8	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	22.7	1.3%	1.5	4,743	5.6	3,056	7.4	1.1	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	16.2	0.9%	1.2	4,714	6.3	2,503	6.5	1.2	11.8%	22.2%
MBB	Ngân hàng	17.8	2.3%	1.4	3,509	9.4	3,467	5.1	1.2	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	20.9	4.5%	1.1	3,062	2.8	3,482	6.0	1.4	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	59.3	1.9%	0.7	211	0.1	4,413	13.4	2.0	85.3%	15.2%
NTP	Nhựa	37.5	5.3%	0.6	211	0.3	3,914	9.6	1.7	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	14.3	0.0%	1.6	683	0.1	178	80.3	1.1	10.1%	1.4%
HPG	Thép	19.5	-0.3%	1.2	4,917	19.2	4,747	4.1	1.1	20.5%	31.8%
HSG	Thép	14.2	2.2%	1.6	368	8.1	3,511	4.0	0.7	5.9%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	74.0	0.3%	0.5	6,724	4.6	4,055	18.2	4.5	55.0%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	188.4	-0.8%	0.8	5,253	0.8	7,018	26.8	5.3	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	79.0	0.4%	1.0	4,890	5.4	7,172	11.0	3.9	29.1%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	14.0	-0.4%	1.5	382	1.1	1,229	11.3	1.0	7.9%	8.8%
ACV	Vận tải	76.0	2.4%	0.8	7,193	0.1	363	209.5	4.4	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	109.0	0.3%	1.1	2,567	1.6	176	618.7	3.4	16.3%	0.6%
HVN	Vận tải	11.7	0.4%	1.7	1,122	0.3	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	47.7	-1.4%	0.9	625	1.5	2,705	17.6	2.1	47.5%	12.5%
PVT	Vận tải	18.9	2.2%	1.4	266	1.1	1,982	9.5	1.1	14.5%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	56.7	3.1%	0.9	394	0.1	10,334	5.5	1.8	3.0%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	52.4	0.0%	0.8	1,021	3.5	4,350	12.0	3.1	5.4%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.1	1.8%	1.3	184	0.1	505	22.0	0.8	1.8%	3.6%
CTD	Xây dựng	46.5	0.5%	1.4	149	1.1	(958)	#N/A N/A	0.4	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	17.4	3.0%	1.5	191	2.3	1,446	12.0	0.8	7.8%	6.9%
REE	Điện	77.3	1.8%	-1.4	1,194	1.0	6,593	11.7	1.9	49.1%	17.7%
PC1	Điện	28.2	1.8%	-0.4	288	1.5	2,081	13.6	1.4	4.7%	10.5%
POW	Điện	10.8	1.9%	0.6	1,100	5.4	676	16.0	0.9	2.8%	5.3%
NT2	Điện	26.5	0.6%	0.7	332	2.2	3,116	8.5	1.7	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	22.7	-0.7%	1.6	756	5.7	324	69.8	1.2	18.2%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	85.0	0%	0.9	3,825	0.4	1,640	51.8	5.1	2.9%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	68.10	2.41	1.93	1.60MLN
GAS	109.80	1.67	0.88	387800
MWG	59.90	3.99	0.86	2.99MLN
ACB	20.85	4.51	0.77	3.14MLN
BID	33.00	1.69	0.71	1.72MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.28	191400	1.11MLN
VIC	0.00	-0.26	99100	607060
EIB	0.00	-0.24	670600	373600
SAB	0.00	-0.07	22.59MLN	192700
VRE	0.00	-0.05	691600	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGW	68.80	7.00	0.19	2.24MLN
LEC	9.48	7.00	0.00	3000
FRT	78.00	7.00	0.15	2.93MLN
DXV	4.60	6.98	0.00	4500
STK	34.50	6.98	0.04	7600

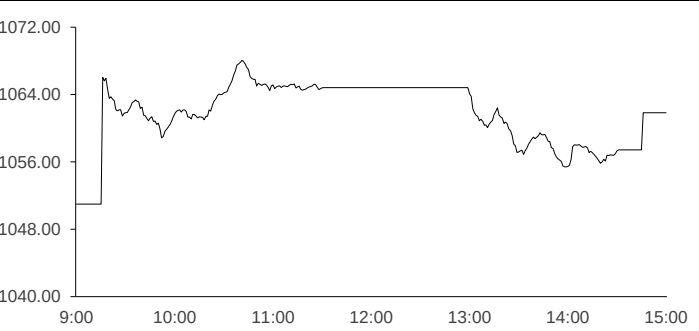
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	51.90	-1.70	-1.00	1.70MLN
VIC	59.70	-1.16	-0.68	779400
EIB	36.90	-2.38	-0.28	191400.00
SAB	188.40	-0.84	-0.26	99100
VRE	25.20	-1.56	-0.24	670600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

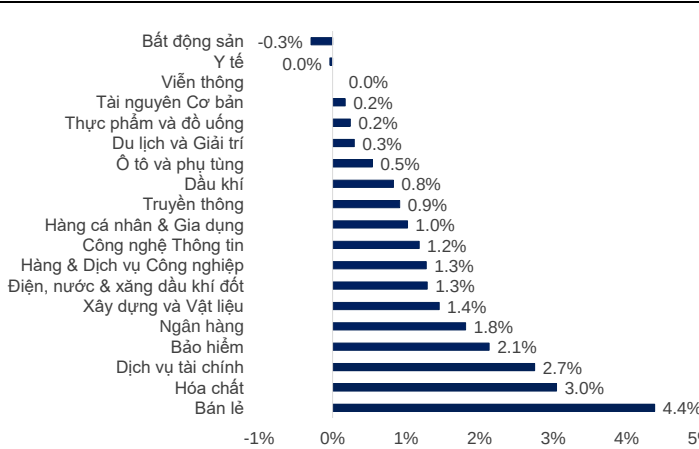
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	47.50	3.94	0.73	4.03MLN
SHS	8.80	4.76	0.48	14.07MLN
IDJ	9.90	10.00	0.21	2.17MLN
PVS	23.30	2.19	0.20	6.64MLN
CEO	16.10	3.21	0.16	3.68MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	17.30	-2.81	-0.39	19500
DNP	23.60	-3.67	-0.13	2900
PTI	35.10	-4.62	-0.07	800
OCH	6.60	-2.94	-0.03	200300
ART	1.80	-5.26	-0.02	4.01MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

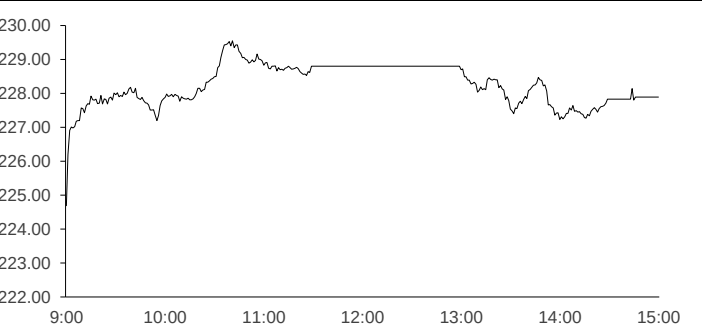
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CX8	7.70	10.0	0.00	3500
IDJ	9.90	10.0	0.21	2.17MLN
SD6	3.30	10.0	0.01	25700
VNT	82.00	9.9	0.02	10400
ARM	43.60	9.8	0.00	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BPC	8.10	-10.00	0.00	100
KHS	15.50	-9.88	-0.01	100
PBP	20.10	-9.87	-0.01	81500
PMS	21.90	-9.50	-0.01	1700
L43	7.20	-8.86	0.00	3900

Hình 2

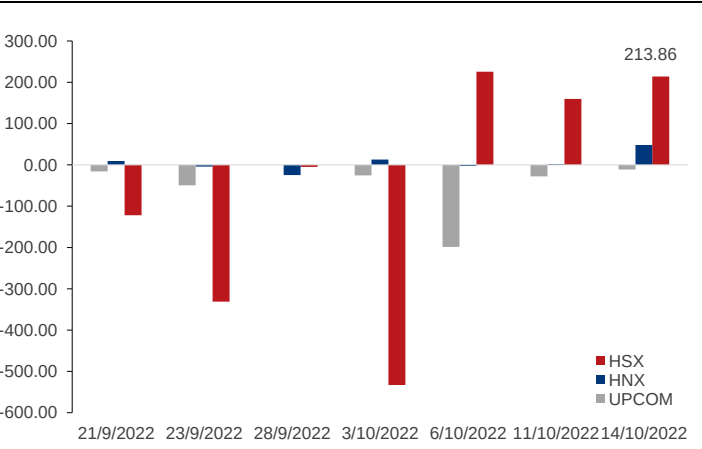
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	76.0	363	209.5	4.4	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	105.1	5,978	17.6	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	20.1	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	74.0	4,512	16.4	4.2	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	59.3	4,413	13.4	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	55.0	4,637	11.9	2.2	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	26.5	1,755	15.1	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	42.5	9,171	4.6	1.5	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	77.0	11,226	6.9	1.9	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	47.0	4,901	9.6	1.9	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	20.1	2,108	9.5	1.7	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	26.8	1,966	13.6	1.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	16.5	1,223	13.5	1.1	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	19.5	4,747	4.1	1.1	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	18.5	1,127	16.4	0.9	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	47.5	14,563	3.3	1.4	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	11.1	505	22.0	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.5	3,116	8.5	1.7	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	20.1	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.9	2,692	8.1	0.8	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.4	1,168	13.1	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	28.2	2,081	13.6	1.4	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	10.8	676	16.0	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	17.4	6,984	2.5	0.7	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	77.3	6,593	11.7	1.9	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	32.0	4,406	7.3	0.9	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	109.8	6,669	16.5	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	34.2	3,842	8.9	1.6	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	19.5	4,747	4.1	1.1	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	11.6	4,170	2.8	1.2	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	20.1	2,108	9.5	1.7	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	59.8	3,616	16.5	5.1	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	105.1	5,978	17.6	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.6	1,889	7.2	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.5	3,116	8.5	1.7	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	54.1	10,763	5.0	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	78.0	5,014	15.6	5.0	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	28.2	2,081	13.6	1.4	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	11.7	179	65.1	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	74.0	4,512	16.4	4.2	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	25.6	2,277	11.2	1.7	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	17.4	6,984	2.5	0.7	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	10.8	676	16.0	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	105.1	5,978	17.6	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	59.9	3,436	17.4	3.9	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.9	1,982	9.5	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
10	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
15	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
18	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
20	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
21	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
23	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
24	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
27	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
30	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
33	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
36	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
38	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
40	Banking Sector Outlook		x	Click
41	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
43	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639